



Số: 04/2021/CBTT-FNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Tên viết tắt: FNS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.6295 9158

Fax: 028.6295 9218

Người thực hiện công bố thông tin: DƯƠNG THỊ MINH THẢO

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo thường niên năm 2020.
2. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2021 tại đường dẫn:

https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-thuong-nien_39.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên.

- Lưu: P.KSNB.

Đính kèm:

- BC Thường niên năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG THỊ MINH THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN (FNS)
Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM
ĐT: 028.6295 9158 - Fax: 028.6295 9218

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



MỤC LỤC

TỔNG QUAN VỀ FNS	02
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	07
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tổ chức và nhân sự	
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	
Tình hình tài chính	
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	11
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình Tài sản, Nợ phải trả	
Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	
QUẢN TRỊ CÔNG TY	15
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	17

I. TỔNG QUAN VỀ FNS

1. Thông tin khái quát

TẦM NHÌN

- Trở thành Công ty Chứng khoán được tin cậy hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

- Mang lại sự thuận lợi tối đa cho khách hàng, đối tác bằng việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng. Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông của công ty. Góp phần xây dựng thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển thịnh vượng. Là điểm đến lý tưởng cho các chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

An toàn

- FNS cam kết bảo mật đối với tất cả các giao dịch của khách hàng. FNS cam kết trung thực, tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp trong mỗi hành động nhằm tạo dựng uy tín và sự tin cậy của khách hàng đối với nhân viên và Công ty.

Chuyên nghiệp

- FNS xác định sự chuyên nghiệp trong sản phẩm, con người, quy trình chính là nền tảng cơ bản để FNS thực hiện cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tới khách hàng.

Sự hài lòng của khách hàng

- FNS liên tục cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ và tin rằng sự cố gắng đó sẽ được đền đáp xứng đáng bằng sự hài lòng của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ. FNS cũng luôn luôn lắng nghe và tiếp thu các ý kiến của khách hàng nhằm cải thiện để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

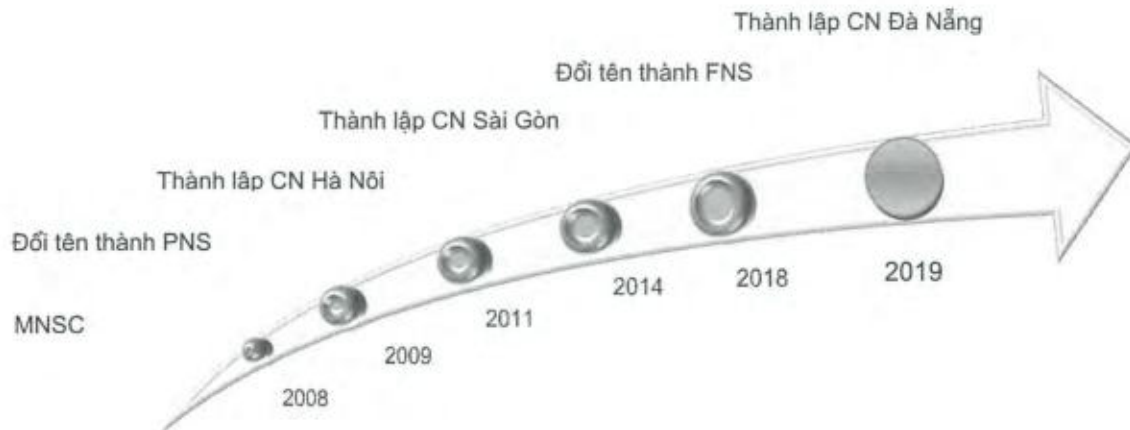
Đổi mới

- FNS xác định việc liên tục đổi mới tư duy, cách nghĩ và thực hành sáng tạo giúp cho FNS không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ, sản phẩm và giải pháp cung cấp cho khách hàng.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN
- Tên tiếng Anh : FUNAN SECURITIES CORPORATION
- Tên viết tắt : FNS
- Giấy CN ĐKDN : số 87/UBCK-GP ngày 27/6/2008 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp
- Vốn điều lệ : 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ : Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM
- Điện thoại : 028. 62959158 - Fax: 028. 62959218
- Website : www.funan.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

FNS là Công ty Chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên tất cả các lĩnh vực bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Bên cạnh đó, FNS cũng cung cấp dịch vụ tài trợ giao dịch, dịch vụ quản lý sổ cổ đông, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

b. Địa bàn kinh doanh

Trụ sở Công ty

Địa chỉ : Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ : Tầng 3, số 353-353bis-355 An Dương Vương, P. 3, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng

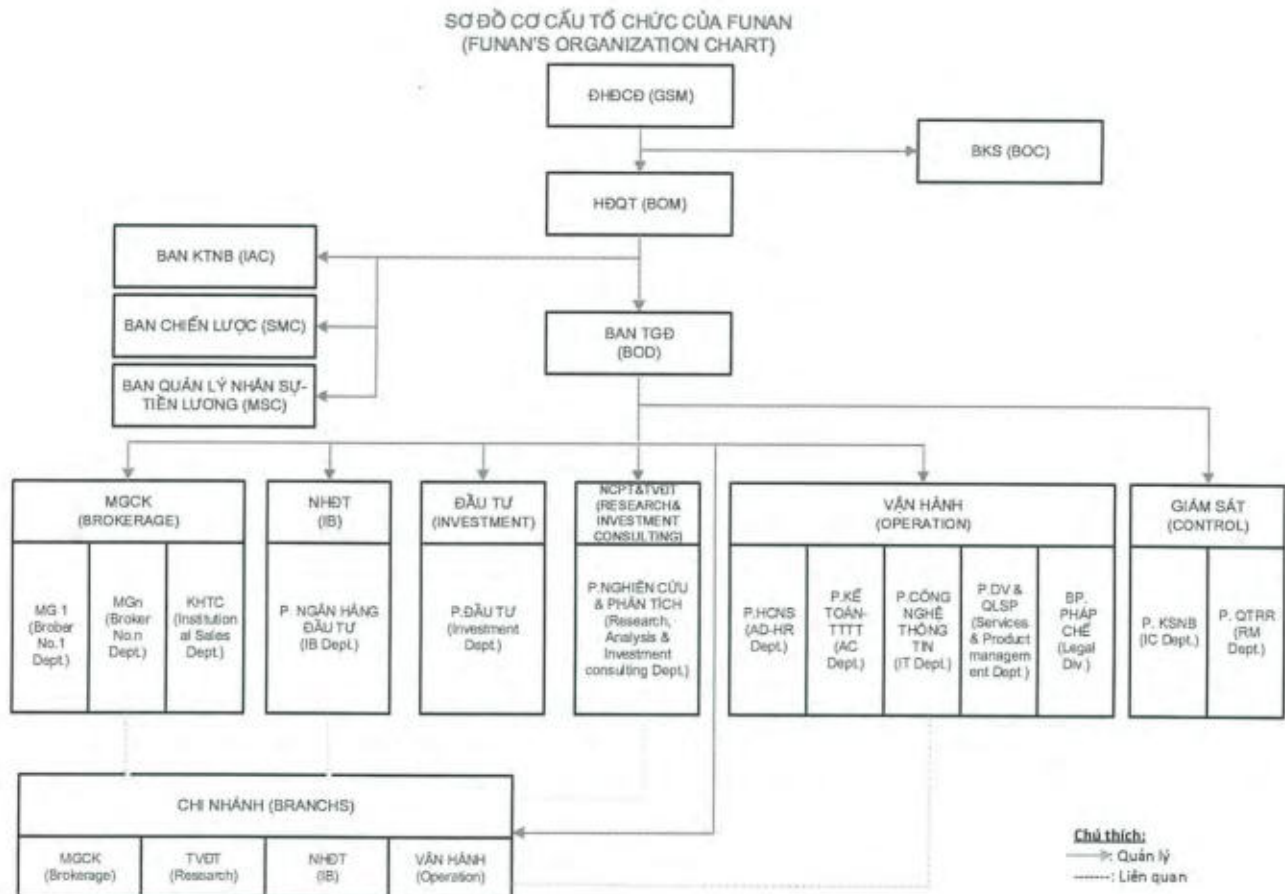
Địa chỉ : Số 90-92 Hồ Xuân Hương, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp của FNS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của FNS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành một hệ thống quy chế quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban tại Trụ sở và các Chi nhánh.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



c. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

5. Định hướng phát triển

Khái niệm "phát triển bền vững" ngày càng được mở rộng, không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo duy trì lợi ích kinh tế mà còn xem xét đến lợi ích của các bên liên quan, cũng như nguy cơ đối mặt với các tác động tiêu cực lâu dài tiềm ẩn.

Là một trong những định chế tài chính chuyên nghiệp, FNS hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững.

Mục tiêu định hướng phát triển bền vững của FNS

GIA TĂNG GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng trưởng ổn định ▪ Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động ▪ Phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp ▪ Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ ▪ Tăng tính minh bạch
MANG LẠI LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG & KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Duy trì cổ tức ổn định cho cổ đông ▪ Phục vụ khách hàng/nhà đầu tư chuyên nghiệp ▪ Đa dạng hóa sản phẩm theo hướng có chiều sâu và kịp thời ▪ Tăng các dịch vụ tài trợ, kênh huy động vốn ▪ Tách bạch tài sản khách hàng
HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoàn thành trách nhiệm với Nhà nước ▪ Chia sẻ với cộng đồng ▪ Bảo vệ môi trường

6. Các rủi ro
a. Nhận diện rủi ro của FNS

Ngoài các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... FNS còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

- Rủi ro thị trường

Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản của FNS theo chiều hướng bất lợi như:

- Chứng khoán trong danh mục tự doanh hoặc chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá.
- Giảm giá của tài sản cố định Công ty đang sở hữu.
- Giảm giá chứng khoán bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa nhận thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành.

- Rủi ro thanh toán

Là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi FNS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán.

- Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để bảo đảm các khoản vay có khả năng thanh

khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản.

Rủi ro hoạt động

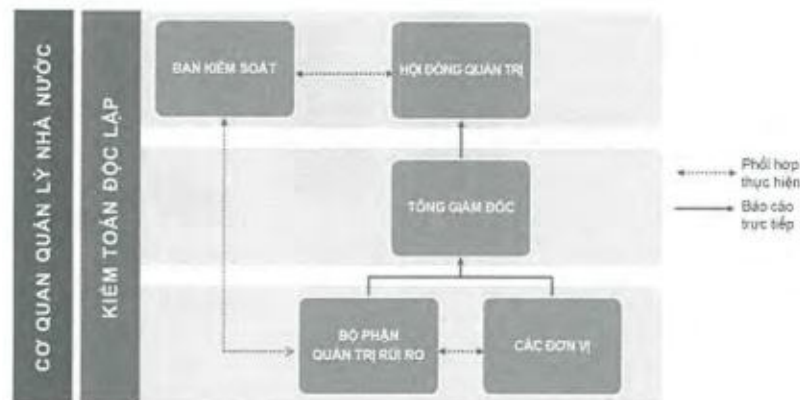
Bao gồm rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, lỗi quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗi từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro pháp lý

Là rủi ro phát sinh từ việc không cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. Có thể kể ra đây như: các giao dịch có khả năng bị vô hiệu do không phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành; Hợp đồng bị hủy bỏ do bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản...

b. Hệ thống quản lý rủi ro của FNS

FNS luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất tới các bộ phận nghiệp vụ. Kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến. Từ năm 2014, FNS đã hoàn tất xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống quản trị rủi ro với mô hình như sau:



c. Quy trình quản trị rủi ro của FNS

Trên cơ sở hệ thống quản trị rủi ro và các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro đã được thiết lập, FNS đã xây dựng và áp dụng quy trình quản trị rủi ro gồm các bước:



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

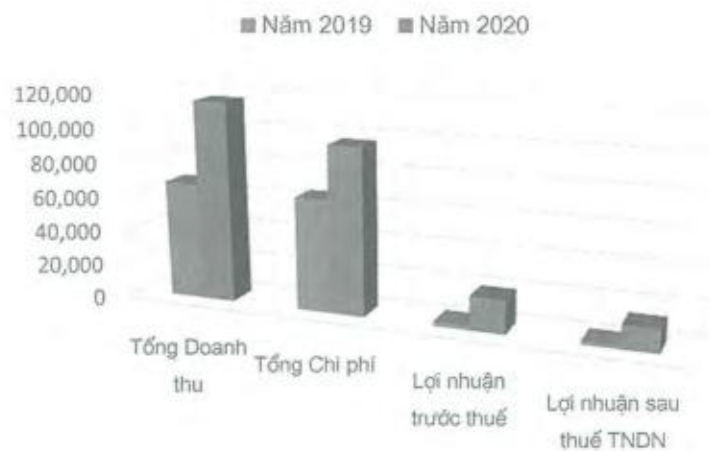
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2020 của FNS

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng Doanh thu	67,885	115,997
2	Tổng Chi phí	65,307	96,424
3	Lợi nhuận trước thuế	2,578	19,573
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2,095	13,599

Hoạt động kinh doanh



Năm 2020 là năm khó khăn với tình hình kinh tế toàn cầu, tuy nhiên Việt Nam đã thực hiện thành công mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa phát triển kinh tế xã hội và Thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới. Nhờ vậy, hoạt động tự doanh của FNS tăng trưởng vượt bậc giúp đem lại lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty là 19,5 tỷ đồng hoàn thành xuất sắc so với kế hoạch đề ra là 3,5 tỷ.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2020
1	Trần Đình Khánh	Tổng Giám đốc	-
2	Nguyễn Thị Đoàn Thùy	Kế toán trưởng	-

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Miễn nhiệm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số Quyết định	Hiệu lực
1	Lữ Bình Huy	TGD	01/2020/QĐ-CT.HĐQT	21/02/2020
2	Trần Đình Khánh	Phó TGD	07/2020/QĐ-CT.HĐQT	14/5/2020

- **Bổ nhiệm:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quyết định	Hiệu lực
1	Trần Đình Khánh	TGD	07/2020/FNS-NQ.HĐQT	14/5/2020

c. **Số lượng cán bộ, nhân viên**

Tính đến 31/12/2020, tổng số lao động của công ty là 76 người.

Chỉ tiêu	Tổng số (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số người lao động	76	100
Phân theo trình độ chuyên môn		
Đại học và trên Đại học	63	82.89
Cao đẳng	2	2.63
Trung cấp	1	1.32
Lao động phổ thông	10	13.16
Phân theo giới tính		
Nam	35	46.05
Nữ	41	53.95

d. **Chính sách đối với người lao động**

- **Về tiền lương**

Công ty có xây dựng cơ chế lương và điều chỉnh tăng lương cơ bản hàng năm theo quy định của Nhà Nước. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích những đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo tiền lương được phân phối theo năng lực cũng như mức độ đóng góp của từng nhân viên cho Công ty.

- **Về chính sách đào tạo**

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Hằng năm các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho cán bộ quản lý cấp cao để theo dõi, chỉ đạo.

- **Về chế độ làm việc**

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm đau, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Công ty tạo môi trường làm việc thoáng mát, thân thiện, cung cấp máy tính, thiết bị công cụ và dụng cụ khác đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất để người lao động làm việc.

- **Chế độ khen thưởng**

Chế độ khen thưởng của FNS gắn liền với hoạt động kinh doanh và năng suất hiệu quả trong công việc. Khen thưởng định kỳ, khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc để tạo động lực cho nhân viên Công ty cố gắng, sáng tạo và cống hiến nhiều hơn cho Công ty.

- **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội**

Tất cả nhân viên chính thức của FNS được hưởng các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với Luật lao động. Ngoài ra, tùy thuộc vào từng vị trí, chức danh sẽ được hỗ trợ các phụ cấp khác như: phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp điện thoại, tiền ăn, chứng chỉ hành nghề ...

- **Chế độ phúc lợi**

Ngoài các chế độ thực hiện theo chính sách do Nhà Nước quy định, Công ty còn có những chính sách phúc lợi riêng nhằm quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên như: tổ chức sinh nhật cho nhân viên hàng tháng, phúc lợi lễ tết, ốm đau, hiếu hỉ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Không phát sinh.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	381,534	427,866	12.14
Doanh thu thuần	67,885	115,997	70.87
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,703	19,622	625.92
Lợi nhuận khác	(125)	(49)	(155)
Lợi nhuận trước thuế	2,578	19,573	659.22
Lợi nhuận sau thuế	2,095	13,599	549.01

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	82.47	19.71	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	82.47	19.71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.011	0.087	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.012	0.095	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.178	0.271	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.031	0.117	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.006	0.035	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.005	0.032	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.040	0.169	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Thông tin cổ phần tại ngày 31/12/2020

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:
 - Số lượng : 34,000,000 cổ phần
 - Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:
 - Cổ phần tự do chuyển nhượng : 34,000,000 cổ phần
 - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	17,340,000	51%
1	Cá nhân	17,340,000	51%
a/	Cổ đông lớn	3,800,000	11.17%
b/	Cổ đông khác	13,540,000	39.83%
2	Tổ chức	-	-
II	Nước ngoài	16,660,000	49%

1	Cá nhân	-	-
2	Tổ chức	16,660,000	49%
Tổng cộng:		34.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không phát sinh.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

e. Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, với tiêu chí hoạt động kinh doanh an toàn, kiểm soát tốt rủi ro và phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ mang tính cạnh tranh với thị trường. Vì vậy doanh thu tăng 115,5 tỷ tăng trưởng 71,3% so với năm 2019, trong đó tăng mạnh là doanh thu đến từ hoạt động tự doanh đạt 84,1 tỷ (tăng trưởng 129,68%), doanh thu phí Môi giới đạt 9,78 tỷ (tăng trưởng 92%). Chi phí hoạt động tăng tương ứng 86.3% lên 66.1 tỷ đồng, chi phí quản lý tiếp tục duy trì không đổi là 29.4 tỷ đồng (giảm nhẹ 0.11%), giúp cho lợi nhuận sau thuế tăng lên 13.59 tỷ tăng trưởng 549% so với năm trước. Doanh thu và lợi nhuận năm 2020 tăng trưởng mạnh chủ yếu do tăng mạnh hoạt động tự doanh, doanh thu từ mảng tự doanh tăng thêm 47.5 tỷ so với 2019, trong khi mảng Môi giới và hoạt động cho vay margin đạt 27,2 tỷ - gần như không đổi so với năm trước đó, và mảng Tư vấn tài chính bắt đầu có doanh thu 898 triệu trong năm 2020 này.

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã đề xuất nhiều giải pháp về hoạt động Môi giới, đưa ra các chính sách kinh doanh Môi giới mới cạnh tranh và phù hợp với thị trường, tập trung xây dựng và kiện toàn đội ngũ Môi giới theo hướng tinh gọn và năng suất làm việc cao, tiếp tục cải thiện chất lượng tư vấn của Môi giới và phát triển dịch vụ Môi giới theo hướng khách hàng cá nhân, khách hàng có giao dịch nhiều về FUNAN.

FUNAN tiếp tục củng cố hệ thống quản trị rủi ro, đẩy mạnh vai trò của kiểm soát nội bộ, phát triển sản phẩm môi giới mới song song với việc ngăn ngừa rủi ro xảy ra theo chính sách quản lý hạn mục rủi ro áp dụng trên phạm vi toàn công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản, nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng tài sản	381,534	427,866

A	Tài sản ngắn hạn	359,013	405,938
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47,337	78,518
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	160,680	130,748
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	149,199	195,121
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,798	1,552
B	Tài sản dài hạn	22,520	21,927
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	13,213	13,396
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8,936	8,403
5	Tài sản dài hạn khác	371	128
	Tổng phải trả	4,353	37,086
1	Nợ ngắn hạn	4,353	20,593
2	Nợ dài hạn	-	16,493

Tình hình tài sản và nợ phải trả



Tổng tài sản công ty cuối năm 2020 từ 381.5 tỷ tăng lên 427.8 tỷ đồng, trong đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 30 tỷ đồng và tăng các khoản phải thu ngắn hạn lên thêm 46 tỷ, tăng tiền và các khoản tương đương tiền lên thêm 31.2 tỷ. Tổng phải trả của FNS năm 2020 cũng tăng thêm 32,7 tỷ, trong đó Nợ ngắn hạn tăng thêm 16.2 tỷ và Nợ dài hạn tăng thêm 16.5 tỷ.

3. Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

a. Cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2019, với cơ cấu tổ chức gồm 03 mảng Kinh doanh - Vận hành - Giám sát, FNS đã phát triển ổn định, phù hợp với định hướng hoạt động và có được sự chuẩn bị nền tảng tốt nhất cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

b. Chính sách quản lý:

Tăng cường hoạt động quản trị, tập trung cập nhật, điều chỉnh và bổ sung các quy định, quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo các hoạt động của FNS phải đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Phát huy vai trò của quản trị rủi ro trong việc quản lý hạn mức rủi ro áp dụng trên phạm vi toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với tầm nhìn, nâng cao chất lượng dịch vụ, ổn định, phát triển Công ty bền vững và khẳng định thương hiệu Funan trên thị trường chứng khoán, đến năm 2021 Công ty sẽ tập trung các trọng tâm sau:

- Tăng cường nhân lực kinh doanh

Tăng cường bổ sung đội ngũ nhân sự chất lượng cao về tư vấn đầu tư để tăng khả năng chăm sóc khách hàng, phát triển đội ngũ Môi giới khách hàng tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Tìm kiếm và thu hút nhân sự giỏi, có kinh nghiệm cho hoạt động tư vấn đầu tư và tư vấn doanh nghiệp.

Tăng cường đào tạo, huấn luyện về khả năng phân tích, tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng hiệu quả.

Xây dựng và áp dụng cơ chế lương, hoa hồng phù hợp và hiệu quả.

Đào tạo văn hóa nội bộ Công ty để tạo sự đồng thuận trong hệ thống khi triển khai các dự án kinh doanh mới.

- Cải tiến sản phẩm dịch vụ

Khảo sát ý kiến khách hàng về hệ thống giao dịch trực tuyến nhằm nâng cấp hệ thống để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Nghiên cứu, mở rộng tiện ích trên các phương tiện giao dịch điện tử, đặc biệt là Mobitrade và cải tiến các dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh một cách thường xuyên và kịp thời đối ứng để cho ra đời các sản phẩm dịch vụ hiệu quả, mang tính cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa cho Doanh nghiệp trong hoạt động Tư vấn tài chính Doanh nghiệp.

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trên thị trường niêm yết và chưa niêm yết, đảm bảo hoạt động đầu tư an toàn hiệu quả, xây dựng danh mục đầu tư phù hợp tình hình thị trường.

a. Kế hoạch kinh doanh 2021

Công ty đề ra mục tiêu doanh thu năm 2021 là: 62,88 tỷ đồng và lợi nhuận đã thực hiện là 20 tỷ đồng.

b. Kế hoạch hoạt động 2021

- Hoạt động môi giới

➢ Xây dựng chính sách phát triển khách hàng thông qua các kênh cộng tác viên kết nối và khai thác hệ thống khách hàng dựa trên tiện ích hệ thống giao dịch trực tuyến của FNS hiện có.

➢ Tiếp tục bổ sung đội ngũ nhân viên toàn diện, xây dựng chính sách nguồn nhân lực tốt nhất nhằm thu hút và giữ vững các nhân sự có năng lực giỏi hợp tác với Công ty. Đồng thời quản lý, cân bằng được chi phí hợp lý để duy trì nguồn nhân lực cạnh tranh trên thị trường.

➢ Tăng cường huấn luyện về kỹ năng phân tích, tư vấn tài chính, đầu tư, dịch vụ khách hàng hiệu quả, tối ưu nhất.

- Hoạt động dịch vụ và phát triển sản phẩm

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá phân hạng khách hàng mới, đưa ra các gói sản phẩm tài chính phù hợp, tăng hiệu quả kinh doanh nhưng đảm bảo an toàn.
- Hoàn thiện hệ thống sản phẩm theo các phân khúc khách hàng, đào tạo đội ngũ môi giới có đầy đủ kiến thức, am hiểu sản phẩm dịch vụ của FNS để hỗ trợ tư vấn tốt nhất cho khách hàng.
- Xây dựng các báo cáo song ngữ để phục vụ đối tượng khách hàng nước ngoài và từng bước tiếp cận các chuẩn mực báo cáo cho các định chế tài chính quốc tế.
- Xây dựng phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và tạo các điều kiện thuận lợi nhất để đem lại sự tiện ích cho khách hàng khi về FNS giao dịch.
- Hoạt động đầu tư tự doanh
 - Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để thực hiện đầu tư thị trường niêm yết và chưa niêm yết. Nhạy bén với tình hình thị trường để chuẩn mực phân bổ danh mục đầu tư ngắn hạn, dài hạn phù hợp trong từng thời kỳ nhằm hạn chế rủi ro, mang lại lợi nhuận tối ưu.
 - Tất cả các khoản đầu tư phải đảm bảo yếu tố an toàn về vốn cho Công ty và cổ đông.
- Hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp
 - Đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính phù hợp với xu hướng thị trường và chiến lược phát triển Công ty đặt trọng tâm như: Tư vấn tăng vốn, Tư vấn phát hành trái phiếu, cổ phiếu, Tư vấn mua bán – sáp nhập doanh nghiệp, Tư vấn huy động vốn và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước, Tư vấn niêm yết...
 - Song song với các tư vấn tài chính cho việc huy động vốn, thoái vốn..., Công ty xây dựng kế hoạch cho sản phẩm tư vấn về tái cấu trúc doanh nghiệp, tái cấu trúc tài chính và chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hóa....
 - Định hướng phát triển Tư vấn tài chính doanh nghiệp theo chiến lược tư vấn thu xếp, mua bán – sáp nhập doanh nghiệp cho đối tác mang yếu tố nước ngoài, đẩy mạnh và tạo lợi thế riêng cho FUNAN phát triển dài hạn theo chiến lược này.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
Không phát sinh

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
 - Trong công tác quản trị, điều hành Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã có những định hướng hoạt động và hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm HĐQT thường xuyên có những cuộc họp kịp thời để giải quyết các công việc theo thẩm quyền của HĐQT.
 - Trong công tác quản lý, luôn chú trọng và tuân thủ Pháp luật, HĐQT đã nhanh chóng sửa đổi, bổ sung các Quy chế, chính sách quan trọng của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
 - Trong công tác giám sát, HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ cùng với Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hạn chế rủi ro, thúc đẩy sự chuyên nghiệp và thực thi nhanh, đảm bảo tuân thủ các quy định và an toàn cho Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám Đốc FNS đã có những phân ánh, kiến nghị phù hợp với tình hình thực tế của thị trường nhằm đưa ra những khuyến nghị giúp HĐQT điều chỉnh kịp thời các chính sách, phương hướng phát triển của FNS.
- Triển khai, thực hiện tốt và hiệu quả các quyết định, phương án kinh doanh của HĐQT.
- Theo đánh giá của HĐQT, nhìn chung Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT vẫn tiếp tục mục tiêu phát triển Công ty bền vững, từng bước đưa Công ty vào Top các Công ty hàng đầu Việt Nam và lợi nhuận đã thực hiện trong năm 2021 là 20 tỷ đồng. Để làm được điều đó, Công ty sẽ tập trung các trọng tâm sau:

- Phát triển thị trường, mở rộng thị phần, gia tăng số lượng khách hàng giao dịch thường xuyên với phân khúc thị trường là khách hàng chuyên nghiệp, khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài.
- Đẩy mạnh việc nâng cao thương hiệu Công ty thông qua quảng cáo, tổ chức sự kiện và tài trợ.
- Gia tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường: nâng cao tính chuyên nghiệp của Cán bộ nhân viên, hệ thống IT, hệ thống quản trị nội bộ và chiến lược kinh doanh từng thời kỳ.
- Gia tăng khả năng sử dụng các đòn bẩy tài chính nhằm tạo ra những lợi thế để thực hiện các chính sách và chiến lược Công ty nhưng vẫn bảo đảm tối ưu vốn của cổ đông.
- Ổn định và đẩy mạnh việc phát triển hoạt động của các Chi nhánh.
- Đẩy mạnh việc phát triển hoạt động Tư vấn tài chính Doanh nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Stt	Họ, tên và chức danh	Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2020	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I. Thành viên HĐQT điều hành			
II. Thành viên HĐQT không điều hành			
1	Bà Dương Thị Minh Thảo - Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Ông Xu Chun - Thành viên HĐQT (Đại diện phần vốn góp của tổ chức)	16,660,000	49%
3	Ông Bellman Ronald David Windevere - Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Xu Zhi Wei - Thành viên HĐQT	-	-
5	Bà Hoàng Thị Thùy - Thành viên HĐQT	1,700,000	5%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Không

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Stt	Họ, tên và chức danh	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Dương Thị Minh Thảo Chủ tịch HĐQT	16	100%
2	Ông Xu Chun Thành viên HĐQT	16	100%
3	Ông Bellman Ronald David Windevere Thành viên HĐQT	16	100%
4	Ông Xu Zhi Wei Thành viên HĐQT	16	100%
5	Bà Hoàng Thị Thùy Thành viên HĐQT	16	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Không

e. Danh sách các thành viên Hoạt động của Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm Soát

Stt	Họ, tên và chức danh	Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2020	
		Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hà Trung Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Thảo Lựu Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Ông Trần Dương Nghĩa Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Ghi chú: Ngày 21/12/2020, FNS có nhận được đơn xin từ nhiệm của Ông Trần Dương Nghĩa là thành viên Ban kiểm soát. HĐQT sẽ trình Đại hội đồng thường niên năm 2020 thông qua nội dung này.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Họ, tên và chức danh	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Hà Trung Trưởng Ban kiểm soát	02	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thảo Lựu Thành viên Ban kiểm soát	02	100%

3	Ông Trần Dương Nghĩa Thành viên Ban kiểm soát	02	100%
---	--	----	------

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020

Năm 2020, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst& Young Việt Nam (E&Y) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

1. Ý kiến kiểm toán

Nội dung ý kiến kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết đính kèm theo Báo cáo thường niên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31. tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



DƯƠNG THỊ MINH THẢO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 52



Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 340.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 390.779.938.924 VND và tổng tài sản là 427.865.568.600 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Dương Thị Minh Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2019
Ông Xu Chun	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Ông Xu Zhi Wei	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Ông Bellman Ronald David Windevere	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Bà Hoàng Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Ông Yau Hau Jan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Ông Lữ Bình Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hà Trung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Dương Nghĩa (*)	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019

(*) Ông Trần Dương Nghĩa đã có đơn xin từ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2020 và đang đợi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 23 tháng 2 năm 2020, Tổng Giám đốc của Công ty là ông Lữ Bình Huy. Từ ngày 14 tháng 5 năm 2020 cho đến ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc của Công ty là ông Trần Đình Khánh.

Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bà Nguyễn Thị Đoan Thùy.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 10 tháng 2 năm 2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Yau Hau Jan, chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị.

Từ ngày 11 tháng 2 năm 2020 cho đến ngày lập báo cáo này, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Dương Thị Minh Thảo, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

|||
C
T
I
A
I
H
C
A
I
|||

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61434403/22027433

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan (Công ty), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1



Vũ Tiên Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		405.938.387.492	359.013.261.535
110	I. Tài sản tài chính		404.386.623.328	357.215.757.784
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	78.517.692.821	47.337.287.694
111.1	1.1 Tiền		78.517.692.821	7.337.287.694
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	120.747.990.570	130.679.653.100
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	10.000.000.000	30.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	182.001.858.673	146.858.014.563
117	5. Các khoản phải thu	8	11.099.830.989	1.303.688.382
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		10.807.475.600	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		292.355.389	1.303.688.382
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		292.355.389	1.303.688.382
118	6. Trả trước cho người bán	8	1.435.415.187	465.516.466
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	776.270.321	721.620.843
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(192.435.233)	(150.023.264)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.551.764.164	1.797.503.751
131	1. Tạm ứng		5.200.000	31.900.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	953.373.142	1.172.455.202
136	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	593.123.549	593.123.549
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		67.473	25.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.927.181.108	22.520.434.638
220	I. Tài sản cố định		13.396.043.327	13.213.065.523
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.986.452.144	7.638.845.427
222	1.1 Nguyên giá		18.151.524.642	16.818.482.288
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(10.165.072.498)	(9.179.636.861)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.409.591.183	5.574.220.096
228	2.1 Nguyên giá		21.299.618.919	20.758.506.018
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(15.890.027.736)	(15.184.285.922)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		128.000.000	371.418.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		8.403.137.781	8.935.951.115
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	1.528.105.880	1.694.953.360
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.103.168.104	1.865.687.548
254	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	5.771.863.797	5.375.310.207
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		427.865.568.600	381.533.696.173



Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		37.085.629.676	4.352.511.072
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		20.592.954.940	4.352.511.072
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	5.522.161.042	2.103.284.051
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	4.928.279.492	231.000.000
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000	100.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.793.190.177	449.340.000
323	5. Phải trả người lao động		1.063.615.943	907.734.027
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		66.608.310	23.821.800
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn		257.063.402	150.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		767.259.017	292.553.637
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		194.677.557	194.677.557
340	II. Nợ phải trả dài hạn		16.492.674.736	-
341	1. Vay dài hạn	17	10.518.850.000	-
342	1.1 Vay dài hạn		10.518.850.000	-
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.2	5.973.824.736	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		390.779.938.924	377.181.185.101
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	390.779.938.924	377.181.185.101
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	340.000.000.000	340.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		340.000.000.000	340.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		340.000.000.000	340.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.713.354.907	2.713.354.907
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.713.354.907	2.713.354.907
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	18.2	45.353.229.110	31.754.475.287
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		21.457.930.165	26.135.478.655
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		23.895.298.945	5.618.996.632
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		427.865.568.600	381.533.696.173

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		4.972.865.605	4.972.865.605
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	18.1	34.000.000	34.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK			
	3.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.1	61.214.640.000	39.783.160.000
	3.2 Tài sản tài chính chờ thanh toán		55.595.740.000	39.783.160.000
			5.618.900.000	-
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK			
	4.1 Tài sản tài chính chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.2	11.317.250.000	-
			11.317.250.000	-
010	5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	19.3	2.280.600.000	200.000.000
012	6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	19.4	2.711.030.000	45.600.260.000
013	7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		15.000.000	31.200.000

(*) Số dư tài khoản này thể hiện số lượng cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	19.5	7.054.473.730.000	7.183.535.630.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.565.174.710.000	2.110.593.770.000
021.2	b. Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		81.000.000	81.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		2.583.469.220.000	3.194.585.210.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		31.596.650.000	4.123.500.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	19.6	17.425.250.000	10.345.930.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		17.245.750.000	10.154.430.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		179.500.000	191.500.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	19.7	18.896.900.000	5.090.240.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	19.8	1.341.380.000	921.310.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của Khách hàng	19.9	81.099.292.350	26.916.628.764
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		36.750.671.243	18.834.049.776
028	5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		44.343.538.607	8.082.578.988
030	5.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.082.500	-
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.10	81.094.209.850	26.916.628.764
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		77.894.495.676	26.802.132.278
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.199.714.174	114.496.486
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		5.082.500	-



Bà Phạm Cẩm Nhung
Người lập



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng



Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		84.125.793.626	36.627.696.457
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	12.881.534.346	9.307.173.645
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	69.405.624.892	25.753.548.628
01.3	1.3 Cổ tức phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	20.3	1.838.634.388	1.566.974.184
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	20.3	3.291.404.604	3.795.359.708
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.3	16.170.615.711	18.591.955.085
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21	9.780.430.496	5.089.464.596
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21	1.226.950.594	3.310.271.269
10	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	21	898.363.636	-
11	7. Doanh thu khác	21	25.296.000	19.632.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		115.518.854.667	67.434.379.115
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(55.564.457.441)	(26.963.486.831)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	(10.365.518.990)	(1.285.111.579)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	(45.155.497.843)	(25.650.246.495)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(43.440.608)	(28.128.757)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	8	(42.411.969)	(150.023.264)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	22	(1.111.552.352)	(1.267.922.444)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	(5.508.201.180)	(3.395.691.444)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24	(2.704.558.901)	(3.045.045.098)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	25	(1.199.857.989)	(641.056.343)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		-	(28.000.000)
40	Cộng chi phí hoạt động		(66.131.039.832)	(35.491.225.424)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		473.226.630	404.805.499
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	473.226.630	404.805.499




Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay		(831.855.813)	(204.827.602)
60	Cộng chi phí tài chính		(831.855.813)	(204.827.602)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	27	(29.407.572.953)	(29.439.292.540)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		19.621.612.699	2.703.839.048
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		4.902.640	45.814.545
72	2. Chi phí khác		(53.936.780)	(171.312.528)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(49.034.140)	(125.497.983)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		19.572.578.559	2.578.341.065
91	1. (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(4.677.548.490)	2.475.038.932
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		24.250.127.049	103.302.133
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	28	(5.973.824.736)	(483.044.463)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	(483.044.463)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.2	(5.973.824.736)	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		13.598.753.823	2.095.296.602
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		13.598.753.823	2.095.296.602
500	XI. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		400	62
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29	400	62
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	29	400	62


Bà Phạm Cẩm Nhung
Người lập


Bà Nguyễn Thị Đoàn Thủy
Kế toán Trưởng


Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(382.093.063.680)	(152.886.259.561)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		431.039.393.515	158.920.859.699
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(33.437.892)	(293.053.280)
04	4. Cổ tức đã nhận		1.899.898.888	1.502.472.284
05	5. Tiền lãi đã thu		4.241.473.097	3.142.917.057
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(548.475.538)	(204.827.602)
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(11.864.566.484)	(4.613.774.348)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(14.645.592.932)	(13.349.829.168)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	16	(4.661.900.585)	(3.738.378.585)
10	10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		-	(8.700.000)
11	11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		958.781.526.675	487.245.730.464
12	12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(959.301.916.382)	(437.375.392.805)
20	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.813.338.682	38.341.764.155
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(2.151.783.555)	(7.100.965.525)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	45.814.545
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.151.783.555)	(7.055.150.980)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc		87.689.841.061	413.416.590.729
	1.1 Tiền vay khác		87.689.841.061	413.416.590.729
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(77.170.991.061)	(413.416.590.729)
	2.1 Tiền vay khác		(77.170.991.061)	(413.416.590.729)
40	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.518.850.000	-
50	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		31.180.405.127	31.286.613.175
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	47.337.287.694	16.050.674.519
61	1. Tiền		7.337.287.694	16.050.674.519
62	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	78.517.692.821	47.337.287.694
71	1. Tiền		78.517.692.821	7.337.287.694
72	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000




Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		3.417.227.814.040	1.865.657.481.960
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(2.988.628.066.040)	(1.439.792.512.100)
08	3. Chi tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng		(373.291.709.347)	(436.236.459.226)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.130.457.567)	(2.869.249.927)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		36.458.964.107	34.439.185.158
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(36.453.881.607)	(34.439.192.658)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		54.182.663.586	(13.240.746.793)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		26.916.628.764	40.157.375.557
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		26.916.628.764	40.157.375.557
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.9	18.834.049.776	27.856.081.390
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	19.9	8.082.578.988	12.301.286.667
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	7.500
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		81.099.292.350	26.916.628.764
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		81.099.292.350	26.916.628.764
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.9	36.750.671.243	18.834.049.776
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	19.9	44.343.538.607	8.082.578.988
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		5.082.500	-


Bà Phạm Cẩm Nhung
Người lập


Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng


Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		340.000.000.000	340.000.000.000	-	-	-	-	340.000.000.000	340.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông	18.1	340.000.000.000	340.000.000.000	-	-	-	-	340.000.000.000	340.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18.1	2.608.590.077	2.713.354.907	104.764.830	-	-	-	2.713.354.907	2.713.354.907
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18.1	2.608.590.077	2.713.354.907	104.764.830	-	-	-	2.713.354.907	2.713.354.907
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18.2	29.868.708.345	31.754.475.287	1.885.766.942	-	18.276.302.313	(4.677.548.490)	31.754.475.287	45.353.229.110
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		24.353.013.846	26.135.478.655	1.782.464.809	-	-	(4.677.548.490)	26.135.478.655	21.457.930.165
- Lợi nhuận chưa thực hiện		5.515.694.499	5.618.996.632	103.302.133	-	18.276.302.313	-	5.618.996.632	23.895.298.945
TỔNG CỘNG		375.085.888.499	377.181.185.101	2.095.296.602	-	18.276.302.313	(4.677.548.490)	377.181.185.101	390.779.938.924



Bà Phạm Cẩm Nhung
Người lập



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng



Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 69 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 77 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 340.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 390.779.938.924 VND và tổng tài sản là 427.865.568.600 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp các khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

4.12 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 *Lợi ích của nhân viên*

4.15.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,50% lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.15.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

4.18 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

4.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.22 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.23 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền	78.517.692.821	7.337.287.694
Tiền mặt tại quỹ	-	2.301.093
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	78.517.692.821	7.334.986.601
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	78.517.692.821	47.337.287.694

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Của Công ty	16.640.246	716.995.933.295
- Cổ phiếu	13.050.246	356.305.683.980
- Trái phiếu	3.590.000	360.690.249.315
b. Của nhà đầu tư	450.192.498	6.501.962.140.160
- Cổ phiếu	449.789.388	6.497.459.350.260
- Chứng quyền	109.700	275.928.300
- Chứng chỉ quỹ	293.410	4.226.861.600
	466.832.744	7.218.958.073.455

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	52.741.769.195	52.494.509.470	87.474.669.746	67.958.546.400
MSN	14.703.844.000	15.113.000.000	1.683.800.000	1.695.000.000
CII	7.077.745.720	6.741.107.000	10.116.427.781	9.368.437.500
BID	6.937.404.443	7.664.000.000	-	-
DPM	3.963.325.429	3.384.000.000	5.954.170.590	2.948.974.000
VRE	3.268.448.959	3.611.000.000	167.496.000	171.020.000
VNM	3.026.135.278	3.046.617.600	7.443.626.763	6.990.233.000
BMI	2.877.000.000	3.060.000.000	3.466.457.089	3.471.008.000
ROS	2.205.705.693	1.492.720.240	326.133	138.400
Cổ phiếu khác	8.682.159.673	8.382.064.630	58.642.365.390	43.313.735.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	38.137.097.694	68.253.481.100	37.585.986.722	62.721.106.700
ABB	20.797.257.451	47.426.890.500	20.917.776.822	43.815.933.200
OCB	12.474.165.424	16.410.012.500	10.834.165.424	13.747.916.000
Cổ phiếu khác	4.865.674.819	4.416.578.100	5.834.044.476	5.157.257.500
	90.878.866.889	120.747.990.570	125.060.656.468	130.679.653.100

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với lãi suất 5,5%/năm.

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	159.791.035.206	159.791.035.206	144.147.610.531	144.147.610.531
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	<u>22.210.823.467</u>	<u>22.210.823.467</u>	<u>2.710.404.032</u>	<u>2.710.404.032</u>
	182.001.858.673	182.001.858.673	146.858.014.563	146.858.014.563

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
MSN	14.703.844.000	409.156.000	-	15.113.000.000	1.683.800.000	11.200.000	-	1.695.000.000
CII	7.077.745.720	-	(336.638.720)	6.741.107.000	10.116.427.781	-	(747.990.281)	9.368.437.500
BID	6.937.404.443	726.595.557	-	7.664.000.000	-	-	-	-
DPM	3.963.325.429	-	(579.325.429)	3.384.000.000	5.954.170.590	-	(3.005.196.590)	2.948.974.000
VRE	3.268.448.959	342.551.041	-	3.611.000.000	167.496.000	3.524.000	-	171.020.000
VNM	3.026.135.278	20.482.322	-	3.046.617.600	7.443.626.763	-	(453.393.763)	6.990.233.000
BMI	2.877.000.000	183.000.000	-	3.060.000.000	3.466.457.089	4.550.911	-	3.471.008.000
ROS	2.205.705.693	-	(712.985.453)	1.492.720.240	326.133	-	(187.733)	138.400
Cổ phiếu khác	8.682.159.673	170.488.207	(470.583.250)	8.382.064.630	58.642.365.390	107.982.689	(15.436.612.579)	43.313.735.500
	52.741.769.195	1.852.273.127	(2.099.532.852)	52.494.509.470	87.474.669.746	127.257.600	(19.643.380.946)	67.958.546.400

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)								
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
ABB	20.797.257.451	26.629.633.049	-	47.426.890.500	20.917.776.822	22.898.156.378	-	43.815.933.200
OCB	12.474.165.424	3.935.847.076	-	16.410.012.500	10.834.165.424	2.913.750.576	-	13.747.916.000
Cổ phiếu khác	4.865.674.819	53.836.681	(502.933.400)	4.416.578.100	5.834.044.476	249.524	(677.036.500)	5.157.257.500
	38.137.097.694	30.619.316.806	(502.933.400)	68.253.481.100	37.585.986.722	25.812.156.478	(677.036.500)	62.721.106.700
	90.878.866.889	32.471.589.933	(2.602.466.252)	120.747.990.570	125.060.656.468	25.939.414.078	(20.320.417.446)	130.679.653.100

7.5 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng				
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị dự phòng 31/12/2020 VND	Giá trị dự phòng 31/12/2019 VND	Mức trích lập dự phòng năm nay VND
I	HTM	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
II	Cho vay	182.001.858.673	182.001.858.673	-	-	-
	Cho vay ký quỹ	159.791.035.206	159.791.035.206	-	-	-
	Ứng trước	22.210.823.467	22.210.823.467	-	-	-
		192.001.858.673	192.001.858.673	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	10.807.475.600	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	292.355.389	1.303.688.382
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	244.109.589	1.194.178.082
- Dự thu cổ tức	48.245.800	109.510.300
Trả trước cho người bán	1.435.415.187	465.516.466
- Đặt cọc mua trái phiếu	1.400.000.000	-
- Khác	35.415.187	465.516.466
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	776.270.321	721.620.843
- Phải thu phí lưu ký	701.968.930	706.531.627
- Phải thu phí môi giới	74.301.391	15.089.216
Dự phòng phải thu khó đòi	(192.435.233)	(150.023.264)
	13.119.081.264	2.340.802.427

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp					
- Phải thu phí lưu ký	481.504.765	150.023.264	42.411.969	192.435.233	515.004.622

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	953.373.142	1.172.455.202
- Công cụ, dụng cụ	-	125.396.696
- Tiền thuê văn phòng	179.446.600	133.437.728
- Các dịch vụ khác	773.926.542	913.620.778
Chi phí trả trước dài hạn	1.103.168.104	1.865.687.548
- Công cụ, dụng cụ	377.967.625	710.956.608
- Thuê đường truyền	4.608.000	11.551.653
- Các dịch vụ khác	720.592.479	1.143.179.287
	2.056.541.246	3.038.142.750

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	582.550.300	12.866.973.588	3.254.400.000	114.558.400	16.818.482.288
Mua trong năm	-	1.008.108.654	480.000.000	-	1.488.108.654
Thanh lý trong năm	(155.066.300)	-	-	-	(155.066.300)
Số cuối năm	427.484.000	13.875.082.242	3.734.400.000	114.558.400	18.151.524.642
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	582.550.300	5.874.226.235	2.671.945.478	50.914.848	9.179.636.861
Khấu hao trong năm	-	893.103.682	209.212.119	38.186.136	1.140.501.937
Thanh lý trong năm	(155.066.300)	-	-	-	(155.066.300)
Số cuối năm	427.484.000	6.767.329.917	2.881.157.597	89.100.984	10.165.072.498
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	6.992.747.353	582.454.522	63.643.552	7.638.845.427
Số cuối năm	-	7.107.752.325	853.242.403	25.457.416	7.986.452.144

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.165.963.699 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8.321.029.999 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.536.848.594	221.657.424	20.758.506.018
Mua trong năm	541.112.901	-	541.112.901
Số cuối năm	21.077.961.495	221.657.424	21.299.618.919
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	14.962.628.498	221.657.424	15.184.285.922
Hao mòn trong năm	705.741.814	-	705.741.814
Số cuối năm	15.668.370.312	221.657.424	15.890.027.736
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.574.220.096	-	5.574.220.096
Số cuối năm	5.409.591.183	-	5.409.591.183

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.048.006.018 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.862.536.018 đồng).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.508.105.880	1.674.953.360
Ký cược, ký quỹ cho các hoạt động khác	20.000.000	20.000.000
	1.528.105.880	1.694.953.360

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ doanh, môi giới.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN (tiếp theo)

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.559.554.239	3.526.116.347
Tiền lãi phân bổ	2.092.309.558	1.729.193.860
	5.771.863.797	5.375.310.207

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	4.963.401.511	1.999.294.741
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	558.759.531	103.669.310
Phải trả khác	-	320.000
	5.522.161.042	2.103.284.051

Bao gồm trong các khoản phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là các khoản phải trả tiền mua chứng khoán của các giao dịch phát sinh trong ngày cuối năm mà Công ty đã tài trợ cho khách hàng thông qua các khoản cho vay kỳ quỹ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả mua các tài sản tài chính	4.687.000.500	231.000.000
Phải trả khác	241.278.992	-
	4.928.279.492	231.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(593.123.549)	-	-	(593.123.549)
Thuế giá trị gia tăng	8.184.778	99.691.597	(100.028.744)	7.847.631
Thuế thu nhập cá nhân	441.155.222	11.900.059.165	(4.555.871.841)	7.785.342.546
- Thuế TNCN nhân viên	163.661.148	780.995.246	(894.932.745)	49.723.649
- Thuế TNCN nhà đầu tư chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn	90.250.758	7.682.258.704	(1.305.493.705)	6.467.015.757
- Thuế TNCN nhà đầu tư từ chuyển nhượng chứng khoán	187.243.316	3.436.805.215	(2.355.445.391)	1.268.603.140
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	(143.783.549)	12.005.750.762	(4.661.900.585)	7.200.066.628
Trong đó:				
- Phải thu	(593.123.549)			(593.123.549)
- Phải trả	449.340.000			7.793.190.177

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Số cuối năm VND
Vay dài hạn				
- Ông Xu Zhi Wei	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
- Bà Phạm Thị Hồng Diệp	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu	-	3.518.850.000	-	3.518.850.000
	-	30.518.850.000	(20.000.000.000)	10.518.850.000

Vay dài hạn là các khoản vay tín chấp từ các cá nhân với kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 4,00%/năm, lãi trả hằng năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số đầu năm	340.000.000.000	2.713.354.907	2.713.354.907	31.754.475.287	377.181.185.101
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.598.753.823	13.598.753.823
Số cuối năm	340.000.000.000	2.713.354.907	2.713.354.907	45.353.229.110	390.779.938.924

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Sunvie Investment PTE Ltd.	16.660.000	166.600.000.000	49,00
Nguyễn Hồng Hải	2.100.000	21.000.000.000	6,17
Hoàng Thị Thùy	1.700.000	17.000.000.000	5,00
Khác	13.540.000	135.400.000.000	39,83
	34.000.000	340.000.000.000	100,00

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.000.000	34.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>34.000.000</i>	<i>34.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	34.000.000	34.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>34.000.000</i>	<i>34.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đã lưu hành	34.000.000	34.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>34.000.000</i>	<i>34.000.000</i>

18.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	21.457.930.165	26.135.478.655
Lợi nhuận chưa thực hiện	23.895.298.945	5.618.996.632
	45.353.229.110	31.754.475.287

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	55.595.740.000	39.783.160.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.618.900.000	-
	61.214.640.000	39.783.160.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng của CTCK	11.317.250.000	-

19.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ về	2.280.600.000	200.000.000

19.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	2.711.030.000	45.600.260.000

19.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.565.174.710.000	2.110.593.770.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	81.000.000	81.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.583.469.220.000	3.194.585.210.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	31.596.650.000	4.123.500.000
	7.054.473.730.000	7.183.535.630.000

19.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	17.245.750.000	10.154.430.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	179.500.000	191.500.000
	17.425.250.000	10.345.930.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	18.896.900.000	5.090.240.000

19.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	1.341.380.000	921.310.000

19.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	36.750.671.243	18.834.049.776
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	36.750.671.243	18.834.049.776
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	44.343.538.607	8.082.578.988
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	16.137.314.502	7.229.168.366
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	28.206.224.105	853.410.622
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	5.082.500	-
	81.099.292.350	26.916.628.764

19.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	77.894.495.676	26.802.132.278
- Nhà đầu tư nước ngoài	3.199.714.174	114.496.486
	81.094.209.850	26.916.628.764

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

20.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	6.794.509		185.912.499.300	185.682.298.731	230.200.569
	VNM	119.000	118.409	14.090.650.000	13.506.134.485	584.515.515
	STB	900.050	13.486	12.138.294.000	10.419.034.055	1.719.259.945
	PNJ	150.000	76.578	11.486.700.000	10.861.400.000	625.300.000
	VIC	114.000	98.091	11.182.390.000	10.889.625.831	292.764.169
	DBC	283.680	38.666	10.968.873.000	9.361.396.489	1.607.476.511
	MSN	130.000	62.471	8.121.196.000	7.406.541.500	714.654.500
	VPB	282.010	26.143	7.372.507.500	6.991.096.448	381.411.052
	CII	306.370	22.868	7.006.183.000	7.169.182.061	(162.999.061)
	CTG	285.000	24.564	7.000.775.000	6.598.633.717	402.141.283
	VJC	56.820	111.052	6.309.967.000	6.044.002.913	265.964.087
	FPT	109.970	49.761	5.472.210.500	5.283.925.244	188.285.256
	Cổ phiếu khác	4.057.609	20.890	84.762.753.300	91.151.325.988	(6.388.572.688)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	606.177		9.744.120.500	9.148.555.028	595.565.472
	BSR	410.000	8.671	3.555.000.000	3.427.000.000	128.000.000
	MPC	90.000	25.937	2.334.320.000	2.161.490.000	172.830.000
	Cổ phiếu khác	106.177	36.305	3.854.800.500	3.560.065.028	294.735.472

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.795.000		181.190.249.315	179.500.000.000	1.690.249.315
	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	795.000	101.306	80.538.304.109	79.500.000.000	1.038.304.109
	Công ty TNHH Saigon Glory	1.000.000	100.652	100.651.945.206	100.000.000.000	651.945.206
				376.846.869.115	374.330.853.759	2.516.015.356
	Trong đó:					
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					12.881.534.346
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					(10.365.518.990)

20.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2020 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2019 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	52.741.769.195	52.494.509.470	(247.259.725)	(19.516.123.346)	19.268.863.621
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	38.137.097.694	68.253.481.100	30.116.383.406	25.135.119.978	4.981.263.428
		90.878.866.889	120.747.990.570	29.869.123.681	5.618.996.632	24.250.127.049
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL					69.405.624.892
	- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL					(45.155.497.843)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Cổ tức từ tài sản tài chính FVTPL	1.838.634.388	1.566.974.184
Lãi từ tài sản tài chính HTM	3.291.404.604	3.795.359.708
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	16.170.615.711	18.591.955.085
	<u>21.300.654.703</u>	<u>23.954.288.977</u>

21. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	9.780.430.496	5.089.464.596
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.226.950.594	3.310.271.269
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	898.363.636	-
Doanh thu khác	25.296.000	19.632.000
	<u>11.931.040.726</u>	<u>8.419.367.865</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	467.511.167	654.759.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.335.000	61.335.000
Chi phí khác	582.706.185	551.827.944
	<u>1.111.552.352</u>	<u>1.267.922.444</u>

23. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoa hồng	2.080.600.467	1.106.789.068
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	1.772.433.437	979.550.265
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	1.050.520.312	700.919.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	604.646.964	604.646.964
Chi phí khác	-	3.785.456
	<u>5.508.201.180</u>	<u>3.395.691.444</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lưu ký	2.454.480.547	2.775.118.181
Chi phí lương và các khoản theo lương	250.078.354	269.926.917
	2.704.558.901	3.045.045.098

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.199.857.989	641.056.343

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Doanh thu lãi Quỹ hỗ trợ thanh toán	363.115.698	297.107.107
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	110.110.932	107.698.392
	473.226.630	404.805.499

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lương và các khoản khác theo lương	13.885.294.496	13.323.684.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.028.843.206	12.131.778.803
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.901.437.980	1.617.899.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.180.261.787	520.422.056
Chi phí công cụ, dụng cụ	495.076.588	610.539.557
Chi phí văn phòng phẩm	25.618.655	45.555.638
Chi phí khác	891.040.241	1.189.412.392
	29.407.572.953	29.439.292.540

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	19.572.578.559	2.578.341.065
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.914.515.712	515.668.213
Các khoản điều chỉnh tăng	10.092.685.634	5.431.480.812
<i>Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	937.642.671	153.666.030
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL</i>	9.031.099.569	5.130.049.299
<i>Chi phí hoạt động không được khấu trừ</i>	123.943.394	147.765.483
Các khoản điều chỉnh giảm	(14.248.851.856)	(5.464.104.562)
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL</i>	(13.881.124.978)	(5.150.709.725)
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	(367.726.878)	(313.394.837)
Lỗ tính thuế năm nay	(241.650.510)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	483.044.463

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi thuế TNDN hoãn lại phải trả và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	5.973.824.736	-	5.973.824.736	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			5.973.824.736	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.598.753.823	2.095.296.602
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông - Đơn vị	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	400	62
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	400	62

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Các bên liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Vay	23.518.850.000	-
	Thanh toán nợ vay	(20.000.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	612.332.378	-
Nhân sự chủ chốt	Thu nhập và thù lao	2.739.928.294	2.839.388.261

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Phải trả</u>	
		<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Các bên liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Vay dài hạn	3.518.850.000	-
	Phải trả lãi vay	85.994.910	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Đến 1 năm	7.385.418.875	6.689.916.477
Từ 1 - 5 năm	9.480.250.994	14.038.735.871
Trên 5 năm	2.009.000.000	2.597.000.000
	18.874.669.869	23.325.652.348

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

FVTPL, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và UPCoM của Công ty là 103.823.698.070 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 69.334.670.400 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 10.382.369.807 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.933.467.040 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 10.382.369.807 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.933.467.040 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay kỳ quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8, Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.517.692.821	-	-	-	-	-	78.517.692.821
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	182.001.858.673	-	-	-	-	-	182.001.858.673
Tài sản tài chính khác							
- Phải thu bán các tài sản tài chính	10.807.475.600	-	-	-	-	-	10.807.475.600
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	292.355.389	-	-	-	-	-	292.355.389
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	74.301.391	105.052.191	81.912.117	-	-	515.004.622	776.270.321
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.528.105.880	-	-	-	-	-	1.528.105.880
- Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5.771.863.797	-	-	-	-	-	5.771.863.797
	288.993.653.551	105.052.191	81.912.117	-	-	515.004.622	289.695.622.481

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	<i>Quá hạn</i> VND	<i>Không kỳ hạn</i> VND	<i>Đến 1 năm</i> VND	<i>Trên 1 - 5 năm</i> VND	<i>Trên 5 năm</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	78.517.692.821	-	-	-	78.517.692.821
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	120.747.990.570	-	-	120.747.990.570
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	182.001.858.673	-	-	182.001.858.673
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - gộp	701.968.930	-	74.301.391	-	-	776.270.321
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	10.807.475.600	-	-	10.807.475.600
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	-	-	292.355.389	-	-	292.355.389
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	1.528.105.880	-	1.528.105.880
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	5.771.863.797	-	-	5.771.863.797
	701.968.930	78.517.692.821	329.695.845.420	1.528.105.880	-	410.443.613.051
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	5.522.161.042	-	-	5.522.161.042
Vay dài hạn	-	-	-	10.518.850.000	-	10.518.850.000
Nợ phải trả tài chính khác	-	-	5.952.601.911	-	-	5.952.601.911
	-	-	11.474.762.953	10.518.850.000	-	21.993.612.953
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	701.968.930	78.517.692.821	318.221.082.467	(8.990.744.120)	-	388.450.000.098

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

30.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Phạm Cẩm Nhung
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thủy
Kế toán Trưởng



Bà Dương Thị Minh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2021